

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-PT
Ngày: 31-7-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng gia công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/6/2018 và ngày 31/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị V, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Bá Th, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Thôn 14, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị V (Là nguyên đơn trong vụ án) theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2017.

4. *Kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Phan Thị V vừa là nguyên đơn vừa là người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ngày 21/11/2016 bà V và anh Nguyễn Đăng V có thỏa thuận, anh V làm cho gia đình bà V 01 mái tôn và 01 giá phơi đồ. Tổng diện tích mái tôn khoảng hơn 100m², toàn bộ vật liệu do bà V cung cấp (vật liệu giá trị khoảng 21 triệu đồng). Giá tiền công tính theo mét vuông, cụ thể: Tôn lót xốp chống nóng 35.000đồng/1m²; Tôn không lót xốp chống nóng 30.000đồng/1m². Trong quá trình thi công bà V đã cho anh V ứng trước 3.335.000đồng tiền công, trong đó 3.000.000 đồng tiền mặt và 335.000 đồng tiền anh V cùng chung mua thịt lợn với gia đình bà V. Do lúc thi công không đúng kỹ thuật cũng như theo yêu cầu của bà V, mái tôn bị dột nên bà V đã yêu cầu anh V sửa chữa lại. Tuy nhiên đến ngày 18/01/2017 anh V đã đến dỡ một phần diện tích mái tôn xuống để tại nhà Bà V mà không chịu làm lại cho bà V, đơn phương chấm dứt hợp đồng và cũng không thông báo cho bà V biết. Còn giá phơi đồ thì anh V chưa làm. Bà V đã nhiều lần yêu cầu anh V tiếp tục làm nhưng anh V vẫn không chịu làm. Bởi vì quá bức xúc trước việc anh V không tiếp tục làm mái tôn cho bà V nên vào ngày 21/3/2017, khi anh V đi xin hom sắn ở gần nhà bà V nên hai bên đã xảy ra tranh cãi và xô xát với nhau, bà V có đánh anh V.

Do nguyên vật liệu đã bị dỡ xuống để giữa nắng, giữa mưa nên đã làm hư hỏng, giảm giá trị sử dụng, gây ra thiệt hại cho bà V khoảng 10.000.000 đồng, cụ thể các thiệt hại hư hỏng như sau:

- Tôn lợp: 05 tấm, dài 7,65 mét;
- Xốp cách nhiệt chống nóng: 05 tấm, dài 7,35 mét;
- Tuýp Phi 34: 02 cây, dài 7,35 mét;
- Tuýp Phi 27: 02 cây, dài 7,35 mét;
- Tuýp phi 27, cắt ngắn khoảng 12 cm: 20 ống;
- Tuýp Phi 27, cắt ngắn khoảng 4 cm: 12 ống;
- Tôn diềm, dài 50 cm: 05 tấm;
- Tôn diềm, dài 55 cm: 07 tấm

Vì vậy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh V phải trả lại cho gia đình bà V toàn bộ tiền công bà đã cho anh V ứng trước là 3.335.000 đồng và bồi thường

toàn bộ thiệt hại do hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng của anh V gây ra là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 13.335.000 đồng.

* *Bị đơn anh Nguyễn Đăng V trình bày:* Vào tháng 11/2016 Bà V có thuê anh V ào làm giàn mát mái tôn và giá phơi đồ cho bà V. Diện tích mái tôn khoảng 100 m². Toàn bộ vật liệu bà V tự mua và anh chỉ việc đưa máy móc vào thi công tại nhà bà V. Thỏa thuận tiền công là 40.000 đồng/m². Trong quá trình thi công bà V đã trả cho anh 2.000.000 đồng tiền mặt và 350.000 đồng là tiền anh cùng chung mua thịt lợn nhà bà V, tổng cộng bà V đã trả cho anh là 2.350.000 đồng, trong tổng số tiền 4.000.000 đồng bà V thỏa thuận phải trả cho anh. Sau khi thi công xong mái tôn thì bà V không chịu thanh toán tiền còn thiếu cho anh V à còn nói anh làm không đúng kỹ thuật (*Bà V nói: Tuýp tròn sao lại đập bẹp để hàn*) và bà bắt anh phải sửa lại toàn bộ cho bà. Trong khoảng thời gian gần Tết Nguyên đán 2017 thì anh V có vào dỡ mái tôn của bà V xuống để sửa chữa theo yêu cầu của bà V, tuy nhiên do thời điểm sát Tết anh bận nhiều việc nên không thể làm cho bà V được. Đến khi hết Tết Nguyên đán thì anh lại bận công việc nhà, anh phải xây các công trình phụ cho gia đình nên chưa vào làm cho bà V được, mặc dù bà V đã nhiều lần đến yêu cầu anh tiếp tục vào làm mái tôn cho bà. Đến ngày 21/3/2017 khi anh V ào nhà ông Nga gần nhà bà V để xin hom sân về trồng thì mẹ con nhà bà V chạy ra để lôi anh V vào nhà nhưng anh không vào, sau đó gây sự và đánh đập anh V vì lý do anh chưa làm xong mái tôn cho bà V.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu anh phải trả lại cho bà V 3.335.000 đồng tiền công và bồi thường thiệt hại cho bà V 10.000.000 đồng vì bà V cho rằng anh đã có hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng thì anh không đồng ý. Bởi lẽ, theo anh V thì anh chưa có thời gian vào tiếp tục thi công cho bà V chứ không phải anh không làm nữa. Khi anh dỡ mái tôn xuống thì mái tôn cũng đã được hoàn thành và giữa anh V và bà V cũng không thỏa thuận thời gian anh phải làm xong mái tôn cho bà V. Anh V cho rằng mình không đơn phương chấm dứt hợp đồng nên không có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà V. Còn về số tiền công thì trong quá trình làm bà V mới chỉ trả cho anh 2.350.000 đồng chứ không phải 3.335.000 đồng như bà V trình bày. Khi thanh toán tiền hai bên không làm giấy tờ gì cả. Do đó anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng: Điều 542, 543, 551 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V. Buộc anh Nguyễn Đăng V phải trả lại 2.335.000 đồng tiền công và bồi thường thiệt hại do hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là 5.088.720 đồng cho bà Phan Thị V và ông Phạm Bá Th. Tổng cộng 7.423.720 đồng (bảy triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 1465/KNPT-DS với nội dung: Bản án sơ thẩm có vi phạm pháp luật về tố tụng và nội dung. Những vi phạm này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1465/KNPT-DS ngày 27/9/2017 đối với Bản án số 88/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An. Nội dung, hình thức và thời hạn kháng nghị đúng quy định của pháp luật nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định kháng nghị. Bị đơn anh Nguyễn Đăng V không yêu cầu định giá lại tài sản, đồng ý với Bản án sơ thẩm và xin thi hành Bản án. Nguyên đơn bà Phan Thị V đề nghị định giá lại tài sản. Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích cho bà V hiểu các quy định của pháp luật về yêu cầu định giá lại tài sản, việc yêu cầu định giá lại tài sản phải có căn cứ và phải nộp tạm ứng lệ phí. Sau đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận và quyết định tạm ngừng phiên tòa. Đến ngày 31/7/2018 Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án và không chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản của bà V vì sau khi xét xử sơ thẩm bà V đồng ý với Bản án sơ thẩm và không kháng cáo. Tại Biên bản phiên tòa (bút lục số 80) có tại hồ sơ vụ án bà V trả lời "Hội đồng định giá đã làm việc theo đúng quy định của pháp luật, tôi không có ý kiến gì cả và nhất trí ký vào biên bản định giá và thẩm định". Đồng thời bà V cũng không đưa ra được căn cứ để định giá lại tài sản và không nộp tiền tạm ứng lệ phí định giá lại. Tại

khoản 5 Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Việc định giá lại tài sản được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết quả định giá lần đầu không chính xác hoặc không phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án dân sự". Căn cứ vào quy định trên thì việc định giá lại tài sản là không có căn cứ và sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi kinh tế cũng như các quyền lợi khác của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không định giá lại tài sản và tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát cho rằng: Tại Biên bản định giá tài sản không có chữ ký của thành viên Hội đồng định giá là ông Nguyễn Hữu C và ông Lê Đức B; không có chữ ký của ông Lê Đình S trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Các nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm đã khắc phục trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, các đương sự không có ý kiến gì và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu về việc thu chi phí định giá tài sản; Bản án không nhận định và quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản là vi phạm. Hồ sơ vụ án không thể hiện các tài liệu về thu, chi chi phí định giá tài sản nhưng trên thực tế thì bà V đã tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí định giá tài sản theo yêu cầu của mình. Tại bút lục số 52 trong hồ sơ vụ án, bà V có đơn yêu cầu định giá tài sản ngày 20/6/2017, trình bày: "Tôi xin chịu mọi chi phí và sẽ liên hệ với Hội đồng định giá để thanh toán toàn bộ chi phí cho việc định giá tài sản". Trong quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm các đương sự cũng không có ý kiến gì đối với chi phí định giá tài sản. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án.

Các thiếu sót nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án, Viện kiểm sát cho rằng: Bản án sơ thẩm nhận định anh V tự ý chấm dứt hợp đồng và quyết định buộc anh V phải trả lại toàn bộ số tiền công mà bà V đã trả cho anh V 2.350.000 đồng là không có cơ sở và không đúng quy định tại các Điều 428, 545 và 551 của Bộ luật dân sự năm 2015; xác định thiệt hại của gia đình bà V không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh V. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Về nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ. Tuy nhiên Viện kiểm sát kháng nghị là để bảo vệ quyền lợi cho anh V nhưng tại phiên tòa anh V đồng ý với việc định giá tài sản, không yêu cầu định giá lại tài sản và thống nhất với Bản án sơ thẩm xin thi hành Bản án. Vì anh không muốn kéo dài vụ án và dành thời gian cho công việc làm ăn của anh. Đây là quyền tự định đoạt của anh V thuộc về quyền dân sự, được quy định tại Điều 2 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 2 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Ở nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". Về các quyền lợi của bà V đã được xem xét kỹ lưỡng tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An. Việc anh V tự định đoạt quyền dân sự của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

Vì vậy, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên cần điều chỉnh cách tuyên về nghĩa vụ thi hành án cho phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 88/2017/DS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Áp dụng: Điều 542, 543, 551 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị V. Buộc anh Nguyễn Đăng V phải trả lại 2.335.000 đồng tiền công và bồi thường thiệt hại do hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là 5.088.720 đồng cho bà Phan Thị V và ông Phạm Bá Th. Tổng cộng 7.423.720 (bảy triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đăng V phải chịu 371.186 (ba trăm bảy mươi một nghìn, một trăm tám mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị V, ông Phạm Bá Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A, theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án, số 0005366 ngày 26/5/2017. bà V, ông Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện A;
- Chi Cục THADS huyện A.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quỳnh